

Số: 257/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 149 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 241/2026/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ A, khu B, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Nguyễn Thế B, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ A, khu B, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Thế B kết hôn ngày 23/01/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh B chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hai bên không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã được hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị T và anh B xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp, nên cần ghi nhận.

[2] Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Thế B có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hải B1, sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Thế K, sinh ngày 23/11/2011. Chị T và anh B thỏa thuận thống nhất: chị Nguyễn Thị Kim T là người trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thế K đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Thế B là người trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc Hải B1 đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T và anh Ba K1 yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Thế Ba K1 yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về khoản nợ chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Thế Ba K1 yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Thế B thỏa thuận thống nhất, chị T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Thế B được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Thế B.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thế K, sinh ngày 23/11/2011 cho đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Thế B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc Hải B1, sinh ngày 15/09/2009 cho đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T và anh Ba K1 yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Thế Ba K1 yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 170 ngày 18/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Bãi Cháy, Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An